

**TRÀO LƯU CẢI CÁCH, DUY TÂN Ở VIỆT NAM
TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX**

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Cần nắm được :

– Diễn biến, kết quả của trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam kể từ sau khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược (1858) đến khi nhà nước phong kiến Việt Nam đầu hàng hoàn toàn (1884).

– Những nội dung tiến bộ của một số đề nghị cải cách quan trọng. Tên tuổi và sự nghiệp của một số sĩ phu có tư tưởng cải cách tiêu biểu.

– Nguyên nhân khiến cho các đề nghị cải cách, duy tân không thực hiện được.

2. Về kĩ năng

Rèn luyện khả năng nhìn nhận, phân tích các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử một cách khách quan, chính xác.

3. Về thái độ

Có những nhận thức đúng về cải cách, đổi mới ; muốn cải cách, đổi mới thành công thì ngoài sáng kiến của quần chúng, cần phải có quyết tâm cao của

nhà nước, phải biết huy động tiềm năng về nhiều mặt, kết hợp chặt chẽ giữa các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Trào lưu cải cách (thực chất là trào lưu tư tưởng duy tân) ở nửa cuối thế kỉ XIX ra đời trong bối cảnh xã hội phong kiến Việt Nam đang trong giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng, nền độc lập của Việt Nam lại đang bị uy hiếp và đe dọa, cho nên cải cách trong giai đoạn lịch sử này biểu hiện ở mấy điểm sau đây :

Thứ nhất, các tư tưởng cải cách lần này xuất phát từ yêu cầu sống còn của đất nước và do bộ phận quan lại sĩ phu thức thời khởi xướng với mục tiêu chủ yếu là cải thiện tình hình để có thể đương đầu với sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Thứ hai, nếu những thay đổi trong giai đoạn lịch sử trước đó mới chỉ dừng lại ở việc cải tổ, cải cách thể chế thì lần này yếu tố duy tân (học tập, làm theo cái mới) được chú trọng nhiều hơn.

Thứ ba, nội dung các đề nghị cải cách lần này đề cập khá nhiều đến vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, đối ngoại, tôn giáo, an ninh quốc phòng, khoa học – kĩ thuật, chính sách xã hội ; trong đó, tập trung nhất là vấn đề kinh tế.

– Cơ sở của những đề nghị duy tân là xuất phát từ những đòi hỏi của đất nước lúc đó và muốn học tập kinh nghiệm của nước ngoài (phương Tây và phương Đông).

– Kết quả của trào lưu duy tân, đổi mới đất nước còn nhiều hạn chế, tuy vậy nó đã bước đầu tấn công vào tư tưởng thủ cựu, chuẩn bị dư luận cho trào lưu duy tân sôi nổi ở đầu thế kỉ XX.

– Nguyên nhân khiến cho các đề nghị cải cách không thực hiện được là vì :

+ Sự bảo thủ của một bộ phận quan lại có thế lực trong triều đình Huế.

+ Một số đề nghị cải cách được xuất phát từ tình hình thực tế ở nước ta (vấn đề nhân lực, tài lực của đất nước, trong khi cuộc chiến tranh ngày càng lan rộng) không có điều kiện để thi hành.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

– Tài liệu, tranh, ảnh có liên quan đến trào lưu duy tân cuối thế kỉ XIX.

– Tài liệu về các cuộc cải cách ở Xiêm, Nhật Bản (giữa và cuối thế kỉ XIX, phần lịch sử thế giới).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài mới

GV nhắc lại những nét nổi bật về tình hình Việt Nam trong 60 năm đầu thế kỉ XIX (về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội).

Sự khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội và sự lạc hậu, yếu kém về quân sự đã đặt đất nước ta trước tình thế hiểm nghèo khi phải đối phó với cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Muốn thoát ra khỏi tình trạng đó, cần phải có những biện pháp cải cách, duy tân kịp thời.

2. Dạy và học bài mới

Mục 1 – Tình hình Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX và sự xuất hiện trào lưu duy tân

– Ở mục này, GV sử dụng phương pháp miêu tả, phân tích thực trạng của xã hội Việt Nam trong những năm đầu sau khi thực dân Pháp phát động cuộc chiến tranh xâm lược, trong đó có những đặc điểm nổi bật như sau :

Sản xuất nông nghiệp, công – thương nghiệp, tài chính bị đình đốn.

(Nam Kỳ bị chiếm, sản xuất bị đình trệ, gánh nặng chiến tranh đè lên vai nhân dân, tiền bạc phải huy động để trả chiến phí và lo việc chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ).

Yêu cầu cần thiết đặt ra lúc này là phải chỉnh đốn nội trị, bồi dưỡng sức dân, phát động chiến tranh yêu nước. Nhưng triều đình Huế lại dồn sức trấn áp phong trào nông dân khởi nghĩa. Tình trạng đói khổ đã khiến những người dân khốn cùng sẵn sàng tham gia bất cứ một phong trào nào miễn là nhằm vào việc chống lại triều đình phong kiến và bọn quan lại thối nát.

– GV nhắc lại một số cuộc khởi nghĩa và nổi dậy chống triều đình như cuộc khởi nghĩa của Cai tổng Vàng (Nguyễn Thịnh) ở Bắc Ninh, nêu danh nghĩa phò Lê diệt Nguyễn, nhưng thực chất đây là cuộc khởi nghĩa của nông dân.

Cuộc nổi dậy của Tạ Văn Phụng (Lê Bảo Phụng) do thực dân Pháp giật dây thông qua bọn gián điệp đội lốt thầy tu, cốt làm suy yếu triều đình Huế, phải nhượng bộ Pháp ở trong Nam.

Các đảng giặc cỏ, thổ phỉ, hải phỉ, dư đảng Thái bình Thiên quốc cũng tràn sang cướp phá ở vùng biên giới, hải đảo phía bắc (tiêu biểu là toán phỉ do Lý Đại Xương, Bàn Văn Nhị, Lưu Sĩ Anh cầm đầu, hoành hành ở phía bắc Thái Nguyên ; toán phỉ Lý Hợp Thắng hoành hành ở Cao Bằng).

Cuộc nổi dậy của binh lính và nhân công xây dựng Khiêm lăng của Tự Đức năm 1866, tham gia lãnh đạo có một số sĩ phu và một số quý tộc như Đoàn Hà Trung, Đoàn Tư Trực, Đoàn Hữu Ái, Trương Trọng Hoà, Tôn Thất Cúc. Cuộc nổi dậy này thể hiện sự bất bình đối với chính sách cắt đất cầu hoà của triều đình Huế.

Các cuộc nổi dậy trên là kết quả của sự suy đồi cùng cực của triều đình Nguyễn, sự phẫn nộ sâu sắc của các tầng lớp nhân dân đối với giai cấp thống trị.

Trong khi đó, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị mở rộng xâm chiếm các vùng còn lại của nước ta.

Sau khi đánh chiếm Cam-pu-chia, lợi dụng lúc triều đình Huế mải mê với việc chuộc đất, Pháp dùng áp lực quân sự chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867). Từ đó, Pháp nhòm ngó ra Bắc Kỳ.

Trước vận mệnh đất nước ngày một nguy nan, nhiều quan lại sĩ phu có tư tưởng tiến bộ đã đề xuất ý kiến của mình với triều đình, đề nghị cải cách duy tân đất nước.

Những đề nghị cải cách trong giai đoạn này không chỉ xuất phát từ những đòi hỏi thực tế của đất nước mà còn phù hợp với xu thế thời đại, trong một số trường hợp nó còn bao hàm cả những yếu tố cách mạng trong đó.

(Ở phần này, GV cho HS biết về công cuộc duy tân, đổi mới ở các nước xung quanh như Nhật Bản, Xiêm, rồi liên hệ đến tình hình nước ta để thấy được tính hợp thời của các đề nghị cải cách ; giải thích một số khái niệm : cải cách, cải tổ, duy tân...).

Mục 2 – Một số đề nghị cải cách, duy tân tiêu biểu

– Trước hết, GV cần điểm qua những nét chung về phong trào duy tân ở nửa cuối thế kỉ XIX.

+ Phong trào được hình thành và phát triển gắn liền với tên tuổi của những nhân vật tiêu biểu như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Trần Đình Túc, Nguyễn Hưng Tài, Đinh Văn Điền, Nguyễn Tư Giản, Nguyễn Thông, Bùi Viện... Tư tưởng canh tân của họ được biểu hiện trong các bản tấu sớ, điều trần, khuyến nghị... gửi triều đình.

+ Nội dung của các đề nghị cải cách, duy tân đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta lúc đó, phản ánh tâm tư muốn thoát khỏi khuôn khổ chật hẹp của chế độ phong kiến đương thời, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, có thể đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

– GV có thể lấy dẫn chứng và phân tích những nội dung này (tư liệu trong phần đọc thêm) về đề nghị cải cách của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ.

– Đặt câu hỏi có tính chất so sánh, liên hệ để đi đến kết luận về thái độ, động cơ, ý tưởng của các quan lại, sĩ phu yêu nước. Cho HS phán đoán về tình hình nước ta, nếu các đề nghị cải cách trên được thực hiện.

Mục 3 – Kết cục của những đề nghị cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX

– Ở mục này, GV cần tập trung vào hai vấn đề :

Thứ nhất, duy tân là một yêu cầu khách quan của lịch sử ; muốn tồn tại và phát triển, nhất thiết phải duy tân. Quy luật này đã biểu hiện rõ trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ cổ chí kim.

Thứ hai, để cuộc duy tân, đổi mới trở thành hiện thực và đạt kết quả như mong muốn thì phải có những điều kiện nào ? (sự đồng thuận từ trên xuống dưới ; quyết tâm của người lãnh đạo, ủng hộ của quần chúng nhân dân ; phải có những điều kiện thuận lợi đảm bảo cho công cuộc cải cách giành thắng lợi). Ngoài ra, những đề nghị cải cách phải phù hợp với đất nước (thiên thời, địa lợi, nhân hoà).

Trong hoàn cảnh của Việt Nam cuối thế kỉ XIX, một số vấn đề cần nhấn mạnh :

+ Đất nước điêu tàn về kinh tế ; chính trị, xã hội không ổn định.

+ Chiến tranh đã nổ ra, nhân tài vật lực kiệt quệ (yếu tố thiên thời thiếu).

+ Sự tồn tại của ý thức hệ phong kiến quá lâu, quá sâu, khó có thể thay đổi trong một sớm, một chiều.

+ Thái độ bảo thủ, cố chấp của triều đình (từ vua đến quan).

+ Bản thân các đề nghị cải cách còn có những hạn chế, điều kiện thời gian (chiến tranh) và tài chính đã làm cản trở công cuộc duy tân ở nước ta.

Tuy vậy, yếu tố chủ quan (thiếu quyết tâm của triều đình, ý thức duy tân yếu ớt chưa đủ khả năng thắng tư tưởng bảo thủ) là những nguyên nhân chủ yếu góp phần dẫn đến thất bại.

3. Sơ kết bài học

– Trong hoàn cảnh đất nước nguy nan (nhân dân sống cơ cực, triều chính khủng hoảng, địch họa kề bên), một số quan lại sĩ phu thức thời vẫn hi vọng có cách nhằm cứu vãn tình thế.

– Từ những năm 60 của thế kỉ XIX đến trước khi Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất (1873), đã có nhiều ý kiến đề xuất cải cách được dâng lên triều đình, trong số đó có những đề nghị hơi cao xa nhưng cũng có sáng kiến phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của đất nước. Có những bản điều trần hoàn toàn có khả năng thực hiện (cải tổ giáo dục, cải thiện quan hệ tôn giáo, giao thiệp với các nước phương Tây) nếu triều đình quyết tâm.

– Cuối cùng, tư tưởng bảo thủ (cả vua, quan và dân) đã chiến thắng. Công cuộc đổi mới đã không được thực hiện hoặc không đủ làm thay đổi tình hình.

– Hậu quả là đất nước ngày càng lạc hậu, trở thành miếng mồi ngon cho tư bản Pháp.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Về động cơ đề xuất các đề nghị cải cách, duy tân :

– Yêu nước, thương dân.

– Muốn nước ta cường thịnh bằng các nước xung quanh, đủ sức đối phó với cuộc xâm lược của Pháp.

Câu 2. Khai thác nội dung trong bài về các đề nghị cải cách (kinh tế, chính trị, giáo dục...). Vì sao các đề nghị cải cách không được thực hiện ? (triều đình nhà Nguyễn bảo thủ, không chịu thay đổi...).

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trích Điều trần của Nguyễn Trường Tộ

"Nên mở cửa chứ không nên khép kín"

(Tháng 9, tháng 10 năm Tự Đức thứ 24)

Kính bảm

Tôi xem khắp thiên hạ từ xưa đến nay, các nước sở dĩ bảo tồn được dài lâu, không nước nào không do hai điều kiện là giàu và mạnh. Mà sở dĩ được giàu mạnh thì không thể không bắt đầu bằng việc mở rộng đất đai, làm đông dân

chúng, thông thương qua lại và giao du với các nước. Sau đó lấy nhân nghĩa công bằng mà qua lại với các nước, làm cho mình và người cả hai đều được lợi, thì mới đạt được sở nguyện. Đó là đường lối thông thường mà tất cả các nước trên thế giới hiện nay đều tiến hành như thế, tập tành ham chuộng đường lối ấy, tìm cách thực hành đường lối ấy, mấy trăm năm càng làm càng có lợi mà không ai nghĩ tay, cũng vì bỏ đường lối này không còn phương sách nào khác.

Tôi xin nêu ra một vài nước trên thế giới đã thực hành đường lối này để thử luận xem. Trung Quốc xưa kia khai thác chưa rộng, đến đời Đường mới bắt đầu mở mang các nguồn lợi về chợ búa và thuyền bè, đến triều nhà Thanh trước hết mở mang việc giao thông bằng đường bộ. Kế đó vơ vét vùng Tây vực đem bán cho các nước Hồ, rồi phía bắc mở thị trường chung với người Nga để nắm lấy nguồn lợi về trà tàu và da thú. Kế đó lại mở các cửa biển cho các quốc gia hải đảo khu vực Đông Nam Dương đến buôn bán, ném một viên gạch mà dẫn đường cho phương Tây đến, sau đó các nước phương Đông, phương Tây đều quy tụ về, nhờ thế mà quyền lợi thiên hạ, một nửa đã nắm được trong tay. Tuy có lúc nước Anh bất bình mà tranh, nhưng nhờ có Nga và Mĩ ở giữa nên không bị hại lớn. Tuy có bị nội loạn (loạn Thái bình Thiên quốc) chia cắt, nhưng cũng nhờ người phương Tây ứng viện, cuối cùng dẹp tan được. Đến nay họ lại thuê mượn nhiều người phương Tây lập xưởng chế tạo khí cụ và làm đại sứ. Họ còn sai nhiều sứ thần giao thông với các nước lớn để bủa kế liên hoành. Tất cả những việc họ làm, người phương Tây trông thấy đều đã nguội lòng. Thử xem từ triều Minh trở về trước, nước ấy hãy còn bế quan toả cảng mà nay được khí thế như vậy là đều nhờ lợi ích của việc ngoại giao cả. Chẳng biết do đâu mà triều đình nhà Thanh lại hết lòng tin dùng người phương Tây như thế. Sự thật không thể hiểu được. Nước ta xưa nay, mọi việc đều bắt chước Trung Quốc, mà chỉ có một kế hoạch lớn lao là giao thông với cường quốc là ta không nghe theo, có phải toan lập được một mưu kế kì diệu riêng hơn hẳn Trung Quốc một bậc chăng ?

Lại xem Nhật Bản xưa vốn là lũ người lùn, từ trung điệp nhà Minh mới bắt đầu giao hảo với Hà Lan, làm bạn với Bồ Đào Nha, kế đến mời Hợp chủng quốc giúp vào việc nước, mở mắt nhìn rộng rãi thiên hạ mới có được chí hướng lớn như vậy. Từ đó họ đóng tàu bè, luyện tập võ bị, ưu tiên phát triển thương nghiệp, công nghiệp, đất nước mỗi ngày một mạnh, được khen với mỹ danh là Tiểu Tây và Trung Quốc khó bắt được Nhật Bản phải thần phục. Tuy gần đây, Anh, Pháp thường hay quấy nhiễu nhưng nhờ có nền nội trị ngoại giao vững vàng mà họ

không chịu hạ mình. Như trước đây ba năm, Anh, Pháp đem binh thuyền đến toan đàn áp, nhưng nhờ có Hợp chủng quốc, Hà Lan phân giải mà việc không xảy ra. Đó không phải là công dụng của sự giúp đỡ của các nước hay sao? Còn như ngày nay nước ấy có những kế hoạch giao thiệp rộng rãi, những mưu cơ tân tiến thì đâu đâu người ta cũng đã nghe thấy rõ ràng, gương ấy không xa, không cần phải nêu ra nữa.

Còn như đối diện với nước ta là Xiêm La. Nước ấy trước đây vốn chẳng có thế lực to lớn hùng mạnh gì. Nhưng từ khi người phương Tây quấy động khiến họ chợt thức tỉnh, bèn lấy Anh, Pháp làm bạn, lấy Ý, Bồ làm khách, mời hết các nước trên thế giới đến buôn bán, du lịch còn nước ấy nghiêm nhiên làm một ông chủ nhà lớn đoàn hoàng, khiến nước lớn thì làm khách, nước nhỏ thì làm bạn, thiên hạ quây quần gọi là ông Đông, nói cười, giải vây, ứng đáp không ngại, chẳng cần theo đuổi cao xa mà cũng chia quyền lợi được với thiên hạ. Mặc dù Anh, Pháp muốn phân chia quyền lợi ở đó nhưng cũng không thể làm sao ý mạnh mà đánh kẻ tươi cười với mình, nên cũng phải phó mặc chẳng biết làm sao. Hiện nay nước ấy nhờ ngoại giao mà được lợi ích ngày một nhanh chóng trở nên giàu mạnh, nội lực không sinh, kẻ địch bên ngoài không đến, thuyền buôn qua lại trên biển như là mắc cửi, quan chức phân bố khắp cả nước, dần dần đã lập được cái thế con rết trăm chân. Họ giàu có thịnh vượng thì họ hưởng, có một nước mạnh như vậy ở bên cạnh cũng rất đáng lo. Còn các nước ở xa ta như Nga La Tư, Anh Cát Lợi, Phú Lãng Sa, Áo Đại Lợi, Phổ Lô Sĩ, cho đến các nước bao phía nam phía bắc Địa Trung Hải, ven phía đông Xích Hải, cho đến các nước hẹp nhỏ thuộc Ấn Độ Dương cho đến 20 nước thuộc Nam Mĩ, các nước ấy thủy chung sở dĩ được giàu mạnh không nước nào không do mềm dẻo mượn tài người, mời gọi khách du lịch, người bán buôn, khuyến khích công nghiệp, siêng năng nông nghiệp, khai hoang khai mở tiếp xúc giao thiệp với các nước, cùng điều hay, chung điều lợi, trao đổi công việc. Trước tiên, Bồ Đào Nha mở đầu rồi đến các nước phương Tây bắt chước làm theo và đều được hiệu quả, ngày nay đều đã rực rỡ như sao trên trời mà chưa từng thấy có bậc kì tài nào nổi lên chống lại việc làm như thế cả. Tuy nhiên các nước hải đảo nhỏ ở biển Đông, biển Tây cũng đều nhờ đường lối ấy mà mở mang được phong khí đã mấy ngàn năm ngu muội, thay đổi được phong tục đã mấy ngàn năm quê mùa và dần dần xây dựng được bản chất làm người là nhờ thấm nhuần cái ảnh hưởng của ngoại giao vậy. Như thế thì qua con đường ngoại giao, thế giới có thể hoà hợp nhau không

phân biệt văn minh hay dã man, tất cả đều được thịnh lợi. Thế chẳng phải vận trời đã mở ra như vậy sao ? Thế giới rất rộng lớn, chỉ con người rất phức tạp nhưng không nước nào không theo đường lối này. Như vậy kế sách này đã bao trùm khắp thế giới, vua tôi đều yên ổn ở trong đó, nào ai có kế sách gì khác có thể hơn được ư ?... tất cả các nước ven biển từ nước hạng nhất đến nước hạng ba, không nước nào không tuân hành theo đường lối này.

Chỉ riêng một mình nước ta thì hành đường lối khác. Cho nên thiên hạ cho ta là một nước li kì đệ nhất. Triều đình trong khoảng từ thời Gia Long đến thời Minh Mạng hợp tác với người phương Tây, thường phái du hành các nước trở về dần dần được hưng thịnh. Nếu không có lệnh đóng cửa đuổi khách bạn ra, mà theo đường lối ấy cho đến ngày nay thì ta cũng có thể sánh vai rong ruổi cùng thiên hạ và người Pháp cũng không có thể tha hồ tác oai tác phúc đối với ta được.

(Theo : Xu hướng canh tân, phong trào duy tân, sự nghiệp đổi mới từ giữa thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX, NXB Đà Nẵng, 2005, tr. 225 – 231)

2. Thiên hạ đại thế luận

(Điều trần bàn về đại thế thiên hạ của Nguyễn Lộ Trạch)

... Thầy thuốc chữa bệnh ắt phải biết nguyên nhân của bệnh, rồi trị cái nguyên nhân ấy thì bệnh mới khỏi. Nay mưu tính sự sống còn há không có cái nguyên nhân làm căn cứ sao ? Vì ta yếu hèn khuất phục mà chúng thương hại ư ? Vì ta giàu mạnh mà chúng chẳng dám gây sự ư ? Đều không phải như vậy ! Thế thì vốn đã có nguyên nhân sẵn rồi. Người xưa trong lúc rối ren thường vẫn cứ đinh ninh là việc nước sẽ ổn định. Tại sao họ lại viển vông như vậy ? Vì nếu không nghĩ như thế, thì sẽ không có gì để cố kết lòng người, sẽ tan mọi hi vọng và làm mất hết tài trí của thiên hạ. Và chẳng trí mưu của ngoại bang không phải là khó dò xét lắm đâu. Cái mà chúng mưu đồ thì lâu dài, cái mà chúng tranh đoạt là lợi lớn. Những việc chúng làm hiện nay đều đã được trù tính ngay từ lúc mang tàu đến nước Nam, chứ không phải là vì vui mừng trước một lời nói mà chúng kí hoà hoãn ; cũng không phải vì giận dữ trước một sự việc mà dấy lên binh đao. Nếu ta cứ co ro, sợ sệt thì chỉ chuốc lấy sự khinh miệt mà thôi ! Nay ta hãy thực tâm bỏ đi cái hư danh mà mình không có, xác định phạm vi thực đang có của ta, khiến cho có định chế rõ ràng, kẻ khác không được xen vào làm rối quyền hành. Rồi trên dưới một lòng, sớm tối bàn định. Bên trong là nỗi khổ của dân và tệ lậu quan lại, bên ngoài là tình hình Tây dương và mối lợi tàu buôn, tất cả đều phải

kịp thời chính đốn – xa thì xem gương Câu Tiễn, gần thì xem gương Nhật, Phổ. Nếu làm được như vậy thì hiện nay tuy ta chỉ có thể xác định bờ cõi để giữ cho yên, nhưng biết đâu một ngày kia lại không có thể tung hoành làm nên nghiệp lớn ? Nếu không làm theo kế ấy mà cứ cúi ngẩng theo lệnh người ta thì chắc chắn cũng lại đi theo vết xe đổ của Ấn Độ, Miến Điện mà thôi !

(Theo : Xu hướng canh tân, phong trào duy tân, đường lối đổi mới từ giữa thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX, Sđd, tr. 242 – 243)